

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ
Bản án: 27/2025/HS-PT
Ngày 09 tháng 5 năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vũ
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Khắc Chiên
Ông Nguyễn Hà Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2025/TLPT-HS ngày 17 tháng 3 năm 2025 do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H đối với Bản án hình sơ thẩm số 34/2024/HSST ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị H; tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 21 tháng 02 năm 1985 tại tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKNKTT: Khu B, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ; nơi ở hiện nay: Khu T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Lỗ Thị H1; Chồng: đã ly hôn, con: có 02 con; con lớn sinh năm, con nhỏ sinh năm 2021; tiền sự: không; tiền án: Không.

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam. Hiện nay tại ngoại tại thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ (Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo H: Luật sư Đinh Hoàng M- Công ty L và Cộng sự (có mặt).

Địa chỉ: Số B ngõ H Đ, Phường T, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

(Những bị cáo khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập đến phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1- Khoảng cuối năm 2020, Nguyễn Thị H, sinh năm 1985, trú tại khu B, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ (chỗ ở hiện nay: khu T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ) và Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1980, trú tại khu B, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ nảy sinh quan hệ tình cảm dẫn đến có con là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 28/09/2021. Đến cuối năm 2021, H và Tuấn A định kết hôn với nhau. Lúc này, Tuấn A nói với H là đã có vợ là chị Trương Thị Kim D, sinh năm 1982, địa chỉ E đường V, phường A, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh (Tuấn A và chị D đã được Ủy ban nhân dân xã T cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/12/2004). Để ly hôn với chị D, thì Tuấn A phải vào Tòa án nhân dân Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh để làm thủ tục, sẽ mất nhiều tiền và thời gian. Do đó, H đã tìm kiếm thông tin trên mạng về việc làm giả thủ tục giấy tờ ly hôn. Sau khi tìm hiểu, H biết tài khoản Zalo tên hiển thị là “Trần Hoàng P” (H không biết tên tuổi, địa chỉ, nghề nghiệp của người này) có đăng tải nhiều hình ảnh liên quan đến việc làm các loại giấy tờ cá nhân nên H sử dụng tài khoản Zalo có tên “Hỏi Làm Gì” của mình để thỏa thuận mua thủ tục ly hôn giả của tài khoản Z có tên “Trần Hoàng P”. H và người có tài khoản Zalo “Trần Hoàng P” thống nhất phí làm là khoảng 3.000.000đ (Ba triệu đồng), thanh toán bằng hình thức chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng mang tên TRAN HOANG PHAT (H không nhớ đã dùng cách gì và chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng nào), sau khi làm xong họ sẽ chuyển cho H Bản án ly hôn. Sau đó, H nói với Tuấn A về cách thức mua Bản án ly hôn giả này. Tuấn A đồng ý và cung cấp thông tin cá nhân của Tuấn A, chị D và con chung cùng số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho H để làm Bản án ly hôn giả. Sau đó, H chuyển thông tin mà Tuấn A cung cấp đến tài khoản Z có tên “Trần Hoàng P” đồng thời chuyển trước 1.000.000đ (Một triệu đồng) đến tài khoản ngân hàng mang tên TRAN HOANG PHAT. Khoảng 01 tuần sau thì H nhận được 01 (một) Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST ngày 20-01-2020 về việc ly hôn giữa Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1980, địa chỉ: khu B, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ và Trương Thị Kim D, sinh năm 1982, địa chỉ: E đường V, phường A, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh có hình dấu tròn màu đỏ của Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ và chữ ký của Thẩm phán Phan Thị T từ một đơn vị chuyển phát (H không nhớ tên đơn vị chuyển phát này). Sau khi nhận được Bản án ly hôn, H chuyển khoản trả nốt số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Đến ngày 17/01/2022, Tuấn A và H đã sử dụng Bản án ly hôn giả trên đến UBND xã T để làm thủ tục kết hôn với nhau. Tại UBND xã T, ông Vũ Văn K1 – Công chức tư pháp UBND xã T đã tiếp nhận hồ sơ, nhưng thiếu sót trong việc thẩm tra hồ sơ đăng ký kết hôn của Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Thị H nên đã trình thủ tục cho bà Trần Thị N – Phó chủ tịch UBND xã T ký duyệt để cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 17/01/2022 cho Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Thị H.

2 - Khoảng tháng 7/2022, Nguyễn Như N1, sinh năm 1983 trú tại khu B, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ; Chỗ ở hiện nay: khu L, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (là anh em họ với Nguyễn Tuấn A), thấy Tuấn A đã vợ con nhưng từ lâu

không có mặt tại địa phương mà vẫn làm được thủ tục ly hôn và lấy vợ mới nên [N1](#) đến nhà [Tuấn A](#) để hỏi [Tuấn A](#) và [H](#) về cách làm. Tại đây, [Tuấn A](#) và [H](#) nói với [N1](#) là Bản án ly hôn của [Tuấn A](#) được mua ở trên mạng và đưa Bản án ly hôn đó cho [N1](#) xem. Một thời gian sau, [N1](#) nhờ [H](#) đặt mua giúp bản án ly hôn giống như của [Tuấn A](#). Do [N1](#) có mối quan hệ anh em họ hàng với [Tuấn A](#) và biết [N1](#) sẽ sử dụng bản án ly hôn giả để đăng ký kết hôn với vợ mới nên [H](#) đồng ý. [H](#) tiếp tục liên lạc với tài khoản Zalo tên hiển thị là “[Trần Hoàng P](#)” để hỏi mua bản án ly hôn giả. Tài khoản [Z](#) “[Trần Hoàng P](#)” nói với [H](#) là thủ tục làm giống như bản án trước nhưng phí là 3.300.000đ (Ba triệu ba trăm nghìn đồng). Sau đó, [H](#) nói lại với [N1](#). Núi đồng ý nên đã cung cấp thông tin cá nhân của [N1](#) và chị [Nguyễn Thị H2](#), sinh năm 1983, trú tại [thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An](#) (Núi và chị [H2](#) đã được [UBND xã T](#) cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/10/2011), con chung cùng số tiền 3.300.000đ (Ba triệu ba trăm nghìn đồng) cho [H](#). Sau đó, [H](#) đã chuyển thông tin do [N1](#) cung cấp và số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho tài khoản Zalo có tên “[Trần Hoàng P](#)”. Khoảng 01 – 02 tuần sau, [H](#) nhận được 01 Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST ngày 15-08-2022 về việc ly hôn giữa [Nguyễn Thị H2](#), sinh năm 1983 trú tại [xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An](#) và [Nguyễn Như N1](#), sinh năm 1983 trú tại [xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ](#) có hình dấu tròn màu đỏ của Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ và chữ ký của Thẩm phán [Phan Thị T](#) từ một đơn vị chuyển phát ([H](#) không nhớ tên đơn vị chuyển phát này). Sau khi nhận được bản án, [H](#) chuyển 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng) cho tài khoản [Z](#) có tên “[Trần Hoàng P](#)” và đưa bản án trên cho [N1](#). Sau khi nhận được bản án, [N1](#) mang về nhà cất giữ. Việc [N1](#) nhờ [H](#) mua bản án giả trên, [Tuấn A](#) không biết. [Tuấn A](#) chỉ thấy [N1](#) hỏi về việc ly hôn của [Tuấn A](#), sau đó [Tuấn A](#) đưa Bản án ly hôn của [Tuấn A](#) và chị [Trương Thị Kim D](#) cho [N1](#) xem. Sau đó, [N1](#) có làm được thủ tục ly hôn hay không thì [Tuấn A](#) không biết, do [Tuấn A](#) thường xuyên đi làm ăn xa nhà.

Đến ngày 12/9/2023, [N1](#) đã sử dụng Bản án số 56/2022/HNGĐ-ST ngày 15-08-2022 giả trên đến [UBND xã T](#) để làm thủ tục kết hôn với chị [Đào Thị T1](#), sinh năm 1987, trú tại [khu L, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ](#). Tại [UBND xã T](#), ông [Vũ Văn K1](#) – Công chức tư pháp [UBND xã T](#) đã tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ nhưng thiếu sót trong việc thẩm tra hồ sơ đăng ký kết hôn của [Nguyễn Như N1](#) và [Đào Thị T1](#), nên đã trình thủ tục để bà [Trần Thị N](#) – Phó chủ tịch [UBND xã T](#) ký duyệt để cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 12/09/2023 cho [Nguyễn Như N1](#) và [Đào Thị T1](#). Buổi sáng cùng ngày, anh [Hà Sơn T2](#) – hiện là Phó trưởng [Công an xã T](#), đồng thời là cảnh sát khu vực phụ trách khu 2, [xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ](#), biết [N1](#) vừa làm thủ tục kết hôn với chị [T1](#) xong. Qua công tác nắm tình hình, anh [T2](#) biết [N1](#) và chị [H2](#) chưa ly hôn, hiện đang ly thân, chị [H2](#) và con không sinh sống ở địa phương nên nghi ngờ tính pháp lý của Bản án ly hôn mà [N1](#) sử dụng để kết hôn, nên anh [T2](#) gọi điện yêu cầu [N1](#) mang Bản án ly hôn mà [N1](#) sử dụng để đăng ký kết hôn với chị [T1](#), Giấy chứng nhận kết hôn giữa [N1](#) và chị [T1](#), căn cước công dân của [N1](#) đến [Công an xã T](#), đồng thời sẽ làm thủ tục Chính sửa thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho [N1](#). Buổi chiều cùng ngày [N1](#) đã mang đến đưa cho anh [T2](#). [Công an xã T](#)

đã xác minh tại Toà án nhân dân huyện Phù Ninh về Bản án số 56/2022/HNGĐ-ST ngày 15/08/2022 của Toà án nhân dân huyện Phù Ninh. Kết quả xác minh: Toà án nhân dân huyện Phù Ninh xác định trong năm 2021, 2022, Toà án nhân dân huyện Phù Ninh không xét xử vụ việc ly hôn nào có đương sự tên [Nguyễn Thi H2](#) và [Nguyễn Như N1](#); trong hồ sơ lưu trữ phát hành bản án không có Bản án nào số 56 với thời gian như trên. [Công an xã T](#) dừng việc chỉnh sửa thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho chị [T1](#), đồng thời tạm giữ và niêm phong Bản án số 56/2022/HNGĐ-ST ngày 15/08/2022 có hình dấu tròn màu đỏ của Toà án nhân dân huyện Phù Ninh do [Nguyễn Như N1](#) giao nộp.

Ngày 22/9/2023, [Công an xã T](#) đã chuyển hồ sơ vụ việc cùng Bản án nêu trên đến Cơ quan CSĐT [Công an huyện P](#) tiếp tục giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ việc trên, Cơ quan CSĐT [Công an huyện P](#) đã tạm giữ và niêm phong Bản án số 08/2020/HNGĐ-ST ngày 20-01-2020 có hình dấu tròn màu đỏ của Toà án nhân dân huyện Phù Ninh do [Nguyễn Tuấn A](#) giao nộp.

Cơ quan CSĐT [Công an huyện P](#) đã trưng cầu Phòng KTHS [Công an tỉnh P](#) giám định đối với 02 bản án đã tạm giữ như trên.

Tại bản Kết luận giám định số 1406/KL-KTHS ngày 05/11/2023 của [Phòng K2 - Công an tỉnh P](#) kết luận:

“Chữ ký đứng tên [Phan Thi T](#) trên các mẫu cần giám định (Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST ngày 20-01-2020 và Bản án số 56/2022/HNGĐ-ST ngày 15/08/2022 có hình dấu tròn màu đỏ của Toà án nhân dân huyện Phù Ninh) so với mẫu chữ ký đứng tên [Phan Thi T](#) trên các mẫu so sánh là chữ ký khác dạng nên không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người ký ra hay không. Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH T. PHÚ THỌ” trên các mẫu cần giám định so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra”.

Ngày 22/11/2023, Cơ quan CSĐT [Công an huyện P](#) đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự; ngày 26/12/2023, Cơ quan CSĐT [Công an huyện P](#) đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với [Nguyễn Thi H](#) về tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự, đối với [Nguyễn Tuấn A](#) và [Nguyễn Như N1](#) về tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra, [Nguyễn Thi H](#), [Nguyễn Tuấn A](#), [Nguyễn Như N1](#) đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm như đã nêu ở trên.

Ông [Vũ Văn K1](#) và bà [Trần Thị N](#) khai nhận về thủ tục đăng ký kết hôn cho [H](#) và [Tuấn A](#), [N1](#) và chị [T1](#) như đã nêu trên. Ngoài ra, ông [K1](#) còn khai: Sau khi [H](#), [Tuấn A](#), [N1](#) cung cấp các giấy tờ, tài liệu cùng với 02 bản án trên để làm thủ tục đăng ký kết hôn, do ông tin tưởng [H](#), [Tuấn A](#), [N1](#), đồng thời sau khi kiểm tra thông tin ở mục nguyên đơn và bị đơn của 02 Bản án, ông thấy thông tin trùng với thông tin trong Tờ khai đăng ký kết hôn của [H](#), [Tuấn A](#), [N1](#) và thấy 02 Bản án đều có dấu tròn màu đỏ của Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ và chữ ký của của Thẩm phán [Phan Thi T](#), nên ông không biết và

không nghi ngờ 02 Bản án trên là giả, nên tại thời điểm đó ông xác định 02 Bản án trên là do Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh cấp cho [H](#), [Tuấn A](#) và [N1](#). Ông không có mối quan hệ anh em họ hàng gì với [H](#), [Tuấn A](#), [N1](#) và chị [T1](#). Ông không bàn bạc với ai và không được hưởng lợi gì từ việc đăng ký kết hôn trên.

Bà [N](#) khai: Sau khi anh [K1](#) trình bà hồ sơ đăng ký kết hôn của [H](#) và [Tuấn A](#), [N1](#) và chị [T1](#), bà có hỏi anh [K1](#) về việc đã kiểm tra các thông tin chưa, ông [K1](#) trả lời bà đã kiểm tra và xác nhận các thông tin trong hồ sơ, do tin tưởng ông [K1](#), đồng thời bà thấy 02 Bản án trên đã có hình dấu tròn màu đỏ của Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, nên bà nghĩ nội dung 02 Bản án đã chính xác và không yêu cầu ông [K1](#) kiểm tra lại. Sau đó bà ký vào 02 Giấy chứng nhận kết hôn cho [H](#) và [Tuấn A](#), [N1](#) và chị [T1](#). Bà không có mối quan hệ anh em họ hàng gì với [H](#), [Tuấn A](#), [N1](#) và chị [T1](#). Bà không bàn bạc với ai và không được hưởng lợi gì từ việc đăng ký kết hôn trên.

Chị [Đào Thị T1](#) khai: Khi quen biết [N1](#), chị có biết [N1](#) đã có vợ tên là [H2](#). Khoảng tháng 8 năm 2022 [N1](#) nói với chị là đã nhờ chị [H](#) làm được thủ tục ly hôn với vợ, còn cụ thể làm như thế nào thì chị không biết. Đến tháng 9 năm 2023 thì chị và [N1](#) đến Ủy ban nhân dân xã [T](#) để làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã [T](#) làm thủ tục đăng ký kết hôn. Chị không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, sao kê tài khoản [Ngân hàng V](#) số 0251001786285 của [Nguyễn Thị H](#) và tài khoản [Ngân hàng M1](#) số 05857010992 mang tên [Trần Hoàng P](#), xác định việc [H](#) chuyển số tiền 3.300.000đ để mua Bản án giả số 56/2022/HNGĐ-ST ngày 15-08-2022 như nội dung nêu trên. Đối với lần chuyển khoảng 3.000.000đ để mua bản án giả số 08/2020/HNGĐ-ST ngày 20-01-2020, do [H](#) không nhớ hình thức chuyển tiền và tên, số tài khoản Ngân hàng mà zalo “[Trần Hoàng P](#)” yêu cầu, nên không thu thập được thông tin chuyển tiền.

Xác minh thông tin đăng ký tài khoản 0585701992 thể hiện: chủ tài khoản là [Trần Hoàng P](#), địa chỉ: [Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh](#), số điện thoại 0585701992. Tuy nhiên, kết quả xác minh tại [xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh](#) không có công dân nào có thông tin như trên.

Xác minh thông tin thuê bao 0585701992 thể hiện tên: [Trần Ngọc T3](#), sinh ngày: 02/05/1992, CMND: 075092000359, địa chỉ: [Ấp B, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh](#). Cơ quan điều tra đã ủy thác xác minh, lấy lời khai đối với [Trần Ngọc T3](#) nhưng không nhận được kết quả ủy thác.

Tại Bản án hình sơ thẩm số 34/2024/HSST ngày 09 tháng 9 năm 2024 và Thông báo sửa chữa, bổ sung Bản án số 16/2024/TB-TA ngày 21/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo [Nguyễn Thị H](#):

Tuyên bố bị cáo [Nguyễn Thị H](#) phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”

Xử phạt bị cáo [Nguyễn Thi H](#) 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 09/9/2024, bị cáo [Nguyễn Thi H](#) kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên quan điểm kháng cáo và xuất trình tài liệu chứng cứ mới là con bị cáo bị bệnh đường ruột cần có người chăm sóc, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bố mẹ già.

Tại phiên tòa luật sư bào chữa cho bị cáo nêu quan điểm: Bị cáo nhận thức hạn chế không biết hành vi của mình là nguy hiểm, lần thứ hai phạm tội do tác động từ người khác, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bố mẹ già.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Giữ Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2024/HSST ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bị cáo [Nguyễn Thi H](#) trong hạn luật định, đơn kháng cáo hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung bị cáo [Nguyễn Thi H](#) kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Nhận thấy:

[2.1] Về các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo [Nguyễn Thi H](#): Tại phiên tòa các cấp, bị cáo [H](#) đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác, đặc biệt là kết quả giám định và vật chứng thu giữ được, theo đó có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng cuối năm 2021, thông qua mạng xã hội Zalo, [Nguyễn Thi H](#) cùng [Nguyễn Tuấn A](#) đã đặt mua 01 Bản án ly hôn giả của một đối tượng không xác định thông tin, lai lịch, với giá 3.000.000đ, về việc ly hôn giữa [Nguyễn Tuấn A](#) với chị [Trương Thị Kim D. H](#) và [Tuấn A](#) sử dụng Bản án giả để làm thủ tục đăng ký kết hôn trái pháp luật với nhau.

Ngoài ra, vào khoảng tháng 7 năm 2022, [Nguyễn Như N1](#) nhờ [Nguyễn Thi H](#) đặt mua 01 Bản án ly hôn giả của đối tượng không xác định thông tin, lai lịch nêu trên, với giá 3.300.000đ, về việc ly hôn giữa [Nguyễn Như N1](#) với chị [Nguyễn Thi H2](#), sau đó [N1](#) sử dụng Bản án giả này để làm thủ tục đăng ký kết hôn trái pháp luật với chị [Đào Thị T1](#).

Hành vi của [Nguyễn Thi H](#) đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.2] Xét về vai trò, tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo [Nguyễn Thị H](#) là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của nhà nước, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện thực.

Về vai trò trong vụ án: [Nguyễn Thị H](#) là người đề xướng, tìm hiểu thông tin và đặt mua bản án giả, và cùng [Nguyễn Tuấn A](#) sử dụng bản án để thực hiện hành vi trái pháp luật là đăng ký kết hôn với [Nguyễn Tuấn A](#) trong khi [Nguyễn Tuấn A](#) đang tồn tại hôn nhân hợp pháp với người khác. Ngoài ra, vào tháng 7 năm 2022, [Nguyễn Thị H](#) giúp sức đặt mua bản án giả cho [Nguyễn Như N1](#) để [N1](#) đăng ký kết hôn trái pháp luật với chị [Đào Thị T1](#).

Về tình tiết tăng nặng, bị cáo không bị áp dụng tình tiết nào. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, và tại phiên tòa các cấp, bị cáo [H](#) đã “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” về hành vi phạm tội nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo . Xét thấy, bị cáo [H](#) có nhân thân tốt nhưng lần phạm tội này bị cáo phạm tội 02 lần là tội nghiêm trọng nên Tòa án cấp sơ thẩm đã phạt tù giam và cho bị cáo hưởng mức đầu khung của hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật . Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xin giảm nhẹ và được cải tạo ngoài xã hội do hiểu biết pháp luật còn hạn chế là không có căn cứ . Vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: kháng cáo của bị cáo [H](#) không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo [Nguyễn Thị H](#).

Giữ nguyên bản án hình sơ thẩm số 34/2024/HSST ngày 09 tháng 9 năm 2024 và Thông báo sửa chữa, bổ sung Bản án số 16/2024/TB-TA ngày 21/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

[2] Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo [Nguyễn Thị H](#):

Xử phạt bị cáo [Nguyễn Thị H](#) 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo [Nguyễn Thị H](#) phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND H. Phù Ninh;
- VKSND H. Phù Ninh;
- Công an H. Phù Ninh;
- THADS H. Phù Ninh;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Vũ